

Bản án số: 77/2018/HSST
Ngày 11 tháng 7 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm Nhân dân: - Ông Sái Văn Trọng;

- Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Thư ký phiên toà: Bà Khổng Phương Thùy - Thư ký Toà án Nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2018/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/QĐXXST-HS ngày 15/6/2018, đối với các bị cáo:

1. Đỗ Xuân T, sinh ngày 17/12/1978 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn QC, xã QS, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; trú tại: Khu hành chính 3, phường Ngô Quyền, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Đỗ Xuân Tuấn và bà Bùi Thị Huệ; vợ là Bùi Thị Thủy và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Vũ Văn V, sinh ngày 07/3/1987 tại Vĩnh Phúc; trú tại: Thôn BC, thị trấn TT1, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Văn Định và bà Đỗ Thị Hồng; vợ là Nguyễn Thị Yến và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/9/2017 cho đến nay (có mặt).

3. Đào Quang T1, sinh ngày 12/10/1984 tại Vĩnh Phúc; trú tại: Thôn Độc, xã TL, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đào Quang Lợi và bà Đặng Thị Bình; vợ là Phạm Thị Nhung và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/9/2017 cho đến nay (có mặt).

4. Vũ Anh Đ, sinh ngày 16/12/1995 tại Vĩnh Phúc; trú tại: Thôn ĐX, xã VQ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn

hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Văn Tấn và bà Nguyễn Thị Kim C1; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù của bản án khác (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Đào Quang T1: Ông Triệu Đ Đ1, Luật sư - Công ty Luật TNHH Bình Minh - Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bị hại: Anh Phạm Đ T, sinh năm 1978; trú tại: Thôn ĐL, xã Hợp Lý, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1967; trú tại: Thôn ĐX, xã VQ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Chị Đào Thị Ngọc Lan, sinh năm 1984; trú tại: Khu ĐT, xã HC, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3. Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; Trú tại: Thôn TC, xã NM, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 04/3/2013, anh Phạm Đ T có đến hiệu cầm đồ của Đỗ Xuân T vay số tiền 15.000.000đ để sử dụng làm vốn kinh doanh. Sau khi thỏa thuận, T đồng ý cho anh T vay 15.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 3.000đ/triệu/ngày, thời hạn vay là 02 tháng, hình thức vay là tín chấp, sau đó anh T viết giấy vay tiền của T theo mẫu in sẵn do T đã chuẩn bị với nội dung như đã thỏa thuận trên, tuy nhiên về lãi suất ghi là 1.500đ/triệu/ngày. Đến ngày 28/03/2013, anh T lại đến vay thêm số tiền 10.000.000đ với thời hạn vay là hai tháng và lãi suất như lần vay ngày 04/3/2013 rồi anh T viết giấy vay tiền đưa cho T. Sau khi vay tiền, anh T sử dụng số tiền trên vào mục đích kinh doanh, nhưng do làm ăn thua lỗ, điều kiện kinh tế khó khăn nên đến hạn trả tiền cho T theo thỏa thuận, anh T không trả được tiền lãi cũng như tiền gốc cho T. T nhiều lần gọi điện thoại liên lạc nhưng anh T không nghe máy và đến nhà anh T tìm gặp để đòi nợ nhưng anh T đã chuyển đi nơi khác (không rõ ở đâu). Đến năm 2016, anh T có nhờ gia đình đến trả cho T 10.000.000đ, thì T nói T nợ cả gốc và lãi khoảng hơn 60.000.000đ. Sau đó người nhà của anh T nói lại với anh T về số tiền nợ gốc và lãi mà T tính toán là hơn 60.000.000đ, thì anh T gọi điện cho T nói “ông tính toán như thế để giết người à, tôi không trả được đâu”, T nói “đó là tổng tiền gốc và lãi theo như thỏa thuận, bao năm nay ông không trả”. Sau đó anh T tắt máy và không liên lạc gì với T để trả nợ.

Khoảng tháng 04 năm 2017, qua tìm hiểu T biết anh T mở cửa hàng khung nhôm kính tại khu Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Khoảng 14 giờ ngày 04/5/2017, T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu KIA, màu sơn đen BKS 88A-079.09 đi đến khu công nghiệp huyện Bình

Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc để đặt hàng hộp bìa cắt tông, khi đi T có đem theo giấy vay tiền của anh T. Trên đường đi đến huyện Bình Xuyên, T đi qua cửa hàng khung nhôm kính của anh T nhìn vào không thấy anh T, T gọi điện thoại cho anh T thì anh T nói đang ở huyện TĐ. T tiếp tục đến huyện Bình Xuyên đặt hàng rồi quay về. Khi về đến gần khu vực trường Cao đẳng cơ khí nông nghiệp ở xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc thì nhìn thấy anh Nguyễn Ngọc Tú, sinh năm 1980, trú tại: Thôn Ngoại Trạch 2, xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc là bạn quen biết xã hội với T, T gọi Tú rồi hai người vào quán nước ven đường ngồi nói chuyện. Trong lúc nói chuyện, T có hỏi anh Tú là có quen ai ở thành phố Vĩnh Yên nhờ đến gặp T đòi nợ hộ. Anh Tú cho T số điện thoại của Vũ Văn V và bảo có gì liên lạc với V nhờ V giúp sau đó T ra về. Trên đường về, T gọi điện thoại cho V giới thiệu là bạn của anh Nguyễn Ngọc Tú và đặt vấn đề nhờ V đòi nợ giúp T, V đồng ý và hẹn gặp T tại đường Tôn Đ Thắng, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T và V gặp nhau tại quán nước ở đường Tôn Đ Thắng, T đưa cho V xem giấy vay tiền ghi nội dung anh T vay 15.000.000đ của T và nói hiện anh T đang mở cửa hàng khung nhôm kính tại khu Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, đã đòi nhiều lần nhưng T chây ì không trả thì V nói “thế thì đơn giản”. Sau đó T nói với V “chú lấy được bao nhiêu thì anh chi cho chú một nửa ví dụ thu được 20.000.000đ thì anh cho chú 10.000.000đ; thu được 30.000.000đ, anh cho chú 15.000.000đ”, V đồng ý đi đòi nợ cho T. Vài phút sau, V đi ra cửa quán nước thì nhìn thấy Đào Quang T1 là anh em quen biết xã hội với V đang ngồi sau xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu sơn trắng (không rõ biển kiểm soát) do Vũ Anh Đ điều khiển và Toàn (chưa rõ nhân thân, lai lịch) ngồi phía sau, V gọi T1 thì T1 bảo Đ quay xe lại gặp V, rồi T1, Đ và Toàn đi vào quán nước ngồi cùng V và T. Tại đây V có nói với T1, Đ và Toàn “đây là anh T, anh có thằng bạn nợ ít tiền, nó trốn 4 năm nay rồi không trả, anh T vừa nhìn thấy nó, anh em đi cùng tí” và đưa giấy vay tiền cho T1, thì Đ hỏi T1 là “giấy gì đấy”, T1 nhìn T và nói “giấy vay tiền của ông anh đây, lát anh em mình sang đó nói chuyện”, nghe vậy Toàn hỏi T “anh em đi thu nợ cho anh thì anh định thế nào”, T hiểu ý Toàn hỏi tiền công nên T nói “các chú yên tâm, như lúc nãy anh nói với chú V, các chú thu được bao nhiêu thì anh em mình chia đôi, ví dụ thu được 20.000.000đ thì anh cho các chú 10.000.000đ; thu được 30.000.000đ, anh cho các chú 15.000.000đ” nghe vậy T1, Đ và Toàn đều không nói gì. T nói với nhóm V là “các chú đi nhanh để anh còn về”, T1 bảo Đ gửi xe máy tại quán rồi tất cả lên xe ô tô của T sau đó T điều khiển xe ô tô chở V, T1, Toàn và Đ đến cửa hàng khung nhôm kính của anh T, T nhìn vào cửa hàng chỉ thấy có anh Phạm Quốc Long là nhân viên của anh T đang ngồi cắt các thanh inox. T điều khiển xe ô tô quay lại rồi đi qua cửa hàng của anh T khoảng 10m thì T gọi điện thoại cho anh T nhưng không thấy nghe máy, T nói với nhóm V

là gọi số quen nó không nghe thì T1 bảo Toàn xuống xe ô tô vào gọi điện thoại cho T bảo về đặt hàng, khi nào T về thì gọi điện cho T1. Sau đó T điều khiển xe ô tô chở V, T1 và Đ đến quán nước vỉa hè ở khu vực ngã tư Công ty ốc vít ngồi chờ.

Toàn đi vào cửa hàng của anh T rồi hỏi anh Long là có anh T ở nhà không, trước có đặt hàng anh T thì anh Long nói “anh T đi vắng, có gì để em gọi anh T về”. Sau đó anh Long gọi điện cho anh T nói có người đến đặt hàng và đưa điện thoại cho Toàn nói chuyện với anh T, thì Toàn bảo anh T về xưởng để đặt cửa, anh T đồng ý. Vài phút sau, anh T về cửa hàng, thấy vậy Toàn gọi điện thoại cho T1 nói T đã về, sau đó T điều khiển xe ô tô chở V, T1 và Đ đi đến cửa hàng của anh T. Đến nơi, T và V xuống xe, V nhìn thấy cạnh cửa hàng của T có quán bán nước mía, V gọi cho mấy cốc nước rồi T và V đi vào gặp anh T, còn T1, Đ và Toàn đứng ở hè trước cửa hàng. T nói với anh T “đây là chú em V có cổ phần trong số tiền mà tôi cho ông vay, hôm nay tôi đưa V đến bàn giao công nợ”, anh T nói “tôi vay ông tôi chỉ biết nợ ông thôi, tôi không biết ông V này là ai”, cùng lúc này Đ và Toàn bê 01 chiếc bàn nhựa cùng 4 chiếc ghế nhựa từ quán nước mía đem vào trong cửa hàng của anh T để ở gần cửa ra vào cho nhóm T ngồi. Sau đó T1 đi vào ngồi cùng anh T, T và V, còn Toàn đứng ở cửa ra vào gần T1; Đ đứng ở hè gần chỗ T ngồi. V nói với anh T “bây giờ tiền anh vay người ta bằng thật, anh định thế nào” thì anh T không nói gì, thấy vậy V liền đứng dậy tát 01 cái vào má anh T rồi một tay túm cổ áo và một tay đâm vào mặt anh T thì anh T giơ tay lên đỡ thì bị đâm vào tay làm anh T ngã ngồi xuống nền nhà. Thấy vậy anh Long đứng dậy định can ngăn thì V quay sang nói anh Long “mày định làm gì” đồng thời nhặt thanh gỗ dưới nền nhà kích thước (41x7x2)cm cầm ở tay; Toàn và Đ cũng đứng dậy định xông vào thì T1 bảo Toàn và Đ ra ngoài, đã có các anh ở đây. Anh Long sợ ngồi xuống tiếp tục làm việc thì V nói với anh Long “mày cắt cho tao 01 chiếc tuýp cắt nhọn một đầu và cầm cái chấu ra đây”, anh Long hoảng sợ nên cắt 01 thanh inox hình hộp, dài 61cm, rộng 1,65 cm đặt lên bàn nơi nhóm V đang ngồi. Lúc này anh T sợ nên bảo V là tính toán gốc 15.000.000đ và lãi theo lãi ngân hàng để anh T trả, V liền cầm thanh gỗ gỗ liền tiếp 4 đến 5 cái vào đùi anh T và nói “mày vay đâu lãi ngân hàng bảo tao cái, giờ tao tính lãi cho mày nhé”. Sau đó V và T1 đều tính gốc là 15.000.000đ, lãi theo thỏa thuận là 3.000đ/triệu/ngày từ tháng 03/2013 đến nay, tổng là 92.000.000đ, anh T nói trước đó đã nhờ gia đình trả 10.000.000đ, thì T nói 10.000.000đ là tiền gốc trả cho khoản vay 10.000.000đ vay ngày 28/3/2013, nhưng thôi trừ luôn cho 10.000.000đ, còn lại 80.000.000đ. Thấy vậy, anh T nói với nhóm V là nhiều vậy không có tiền trả, để gọi điện thoại cho gia đình và bạn bè hỏi vay tiền. Sau đó anh T gọi điện thoại anh Phan Văn Thu, ở thôn Gia Viễn, xã Định Trung, thành phố Vĩnh Yên là anh kết nghĩa của anh T và gọi anh Trần Mạnh Hùng, trú tại: Khu Minh

Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên là bạn quen biết xã hội của anh T nhờ đến cửa hàng thương lượng giúp. Khoảng 15 phút sau, anh Thu đi đến cửa hàng rồi xin T và V giảm tiền lãi cho anh T, V đồng ý giảm cho anh T 10.000.000đ, còn lại phải trả đủ 70.000.000đ, anh T trình bày hoàn cảnh khó khăn, xin giảm xuống 30.000.000đ hoặc 40.000.000đ thì anh T mới lo được, nhưng nhóm V không đồng ý. Cùng lúc này anh Hùng đến thấy V và T1 đều là người quen của Hùng đang đòi tiền anh T, Hùng nói hoàn cảnh của anh T hiện tại đang khó khăn và xin V, T1 giảm tiền lãi cho anh T. Nể anh Hùng nên T, V và T1 đồng ý giảm thêm cho anh T 20.000.000đ rồi V quay sang nói với anh T “tao nể mặt mấy người này xin, rút xuống cho mày còn 50.000.000đ” rồi V yêu cầu anh T viết giấy vay tiền. V quay sang bảo anh Long lấy giấy bút cho anh T viết, anh Long sợ nên lấy 01 chiếc bút bi đem ra để ở bàn, Toàn đi vào trong cửa hàng lấy 01 tờ giấy trắng đem ra để ở bàn thì V nói với T là anh có giấy vay tiền mẫu không. T nói anh bỏ nghề rồi nên không có giấy mẫu, thấy vậy Đ nói với T là em có giấy ở xe, rồi T điều khiển xe ô tô chở Đ đi ra chỗ gửi xe ở quán nước mở cốp xe lấy 01 tờ giấy vay tiền (mẫu đánh sẵn) rồi cùng T quay lại cửa hàng của anh T đưa cho anh T, V yêu cầu anh T viết giấy vay tiền theo nội dung V đọc là anh T vay V 50.000.000đ hạn đến ngày 10/5/2017 trả, anh T chần chừ không viết mà tiếp tục xin giảm số tiền nợ xuống còn 30.000.000đ, thấy vậy T1 cầm thanh inox anh Long để ở bàn giơ lên vụt 01 cái vào đỉnh đầu anh T và nói “từ lúc này tao đã không thèm nói với mày, cho bớt các kiểu” làm anh T sợ nên tiếp tục viết giấy vay tiền theo V đọc với nội dung vay của Vũ Văn V 50.000.000đ hạn đến ngày 10/5/2017 trả đủ số tiền này rồi đưa cho V, V cầm giấy vay tiền và bảo anh Thu ký vào giấy để làm chứng việc T vay tiền, sau đó V cầm giấy vay tiền và yêu cầu anh T đưa chứng minh nhân dân của anh T cho V rồi T, V, T1, Đ và Toàn ra về. Sau khi bị V và T1 đánh, anh T bị đau đầu, ngày 05/5/2017 anh T đến bệnh viện Hữu Nghị Lạc Việt khám, điều trị và cùng ngày trình báo Công an phường Khai Quang giải quyết.

Ngày 06/5/2017, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ tại cửa hàng khung nhôm kính của anh Phạm Văn T: 01 đoạn inox hộp dài 61cm trụ vuông kích thước (1,65x1,65)cm một đầu vát nhọn và 01 thanh gỗ kích thước (41x7 x2)cm.

Ngày 13/3/2018, Đỗ Xuân T tự nguyện giao nộp cho Công an thành phố Vĩnh Yên gồm: 01 giấy biên nhận cầm đồ, cho vay, thế chấp tài sản ghi ngày 04/3/2013 giữa người cho vay là Đỗ Xuân T và người vay là Phạm Đ T, số tiền vay là 15.000.000đ, lãi suất 1.500đ/1 ngày/1 triệu đồng; 01 giấy biên nhận cầm đồ, cho vay, thế chấp tài sản ghi ngày 28/3/2013 giữa người cho vay là Đỗ Xuân T và người vay là Phạm Đ T, số tiền vay là 10.000.000đ, lãi suất 1.500đ/1 ngày/1 triệu đồng; 01 giấy bán xe ô tô ghi ngày 11/02/2017 giữa bên bán là Đỗ

Xuân T bán 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, BKS 88A-079.09 và bên mua là Nguyễn Văn H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng.

Tại giấy ra viện ghi ngày 11/5/2017 của Bệnh viện Hữu Nghị Lạc Việt xác định: Anh Phạm Đ T vào viện ngày 05/5/2017, ra viện ngày 10/5/2017, chẩn đoán: Chấn động não do bị đánh.

Ngày 16/10/2017, Cơ quan điều tra có Quyết định số 199 trưng cầu Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Phúc giám định thương tích của anh Phạm Đ T. Ngày 26/10/2017, anh T có đơn từ chối giám định thương tích và xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Đỗ Xuân T, Vũ Văn V, Đào Quang T1 và Vũ Anh Đ, lý do bị thương tích nhẹ không đáng kể, hiện sức khỏe đã ổn định nên từ chối giám định.

Tại Cáo trạng số 67/CT-VKSTP.VY ngày 30/5/2018, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố Đỗ Xuân T, Vũ Văn V, Đào Quang T1 và Vũ Anh Đ về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Người bị hại, anh Phạm Đ T khai: Khoảng 15 giờ ngày 04/5/2017, Đỗ Xuân T cùng với Vũ Văn V, Đào Quang T1 và Vũ Anh Đ đến xưởng nhôm kính của anh ở Minh Quyết, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc để đòi nợ tiền, vì trước đó anh T còn nợ của T 15.000.000đ chưa trả. Sau đó đã có hành vi tát, đâm, dùng thanh gỗ vụt vào chân và dùng thanh Inox đánh vào đầu anh, ép anh T phải viết giấy nhận nợ của Vũ Văn V số tiền 50.000.000đ và yêu cầu anh T phải đưa chứng minh nhân dân. Sau khi bị đánh, ngày 05/5/2017 anh T đã đi điều trị tại Bệnh viện cho đến ngày 10/5/2017 thì ra viện. Sau khi sự việc xảy ra T, T1, V và bà Ch (mẹ Đ) đã tự nguyện bồi thường cho anh T tổng số tiền là 20.000.000đ, nay anh T không yêu cầu bồi thường gì khác, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Kim C1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của Vũ Anh Đ, sau khi biết sự việc xảy ra bà Ch đã đến gặp anh T và tự nguyện bồi thường thay cho Đ số tiền 2.000.000đ; nguồn tiền là của Đ đi làm có được gửi bà Ch, bà Ch không có yêu cầu Đ phải bồi hoàn.

Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra đã khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng như đã nêu trên (từ bút lục 142 - 143 và từ bút lục 229 - 230).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử T bố các bị cáo: Đỗ Xuân T, Vũ Văn V, Đào Quang T1 và Vũ Anh Đ phạm tội “Cướp tài sản”; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p, r

khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đỗ Xuân T từ 03 năm 09 tháng đến 04 năm tù; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt các bị cáo: Vũ Văn V từ 03 năm 09 tháng đến 04 năm tù; Đào Quang T1 từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; khoản 1 Điều 51; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Vũ Anh Đ từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù, tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù của Bản án Hình sự sơ thẩm số 54/2018/HS-ST ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt Ch của cả hai bản án từ 04 năm 6 tháng đến 04 năm 09 tháng tù. Căn cứ Điều 41, 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu huỷ 01 đoạn inox hộp dài 61cm trụ vuông kích thước (1,65x1,65)cm một đầu vát nhọn và 01 thanh gỗ kích thước (41x7x2)cm thu giữ tại cửa hàng của anh Phạm Đ T; tịch thu súng quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng thu giữ của Đỗ Xuân T.

Người bào chữa cho bị cáo T1 có quan điểm: Nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vĩnh Yên về quan điểm xử phạt đối với bị cáo T1 về tội danh và mức hình phạt. Tuy nhiên, trong vụ án này người bị hại anh T có vay nợ tiền của bị cáo T, nhiều lần T đến đòi nợ nhưng T không trả và sau đó đã bán nhà đi khỏi nơi cư trú không báo cho T biết. Do tình cảm nên T không tố cáo đối với T. Sau khi phát hiện nơi ở mới của T, T mới rủ các bị cáo khác đến đòi nợ, việc đòi nợ của các bị cáo là có to tiếng đe dọa anh T, nhưng hai bên cũng đã thương lượng với nhau trong khoảng thời gian dài chứ không có hành vi ngay tức khắc, thái độ của người bị hại vẫn bình tĩnh viết giấy nhận nợ theo sự áp đặt của các bị cáo. Thực tế người bị hại đã chiếm giữ tài sản của T trong thời hạn là 04 năm 06 tháng 01 ngày, bị hại không giữ đúng lời hứa đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Các bị cáo hoàn toàn không vụ lợi, biến tài sản của người khác thành tài sản của mình mà chỉ đòi nợ số tiền tính đúng, tính đủ theo thỏa thuận. Tại phiên tòa cũng làm rõ việc anh T không nợ bị cáo V nhưng do sợ hãi nên đã viết giấy nhận nợ theo ý chí của các bị cáo, tuy nhiên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng là giấy biên nhận nợ trên; việc các bị cáo T1 và V đến Công an thành phố Vĩnh Yên đem theo tư trang cá nhân để trình diện, cơ quan điều tra không làm thủ tục cho các bị cáo đầu thú nên các bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là đầu thú. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để làm rõ hai vấn đề nêu trên.

Bị cáo T1 không có ý kiến bổ sung tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Trong phần đối đáp đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã trình bày quan điểm: Đối với bị cáo Vũ Văn V và Đào Quang T1 cơ quan điều tra đã ra lệnh bắt bị can để tạm giam đồng thời thi hành lệnh bắt tạm giam đối với hai bị cáo, sau đó được sự đồng ý của gia đình thì các bị cáo đến Công an thành phố Vĩnh Yên để làm việc và cơ quan điều tra đã thi hành lệnh bắt tạm giam đối với các bị cáo nên các bị cáo bị bắt theo lệnh bắt tạm giam của cơ quan điều tra, không thuộc trường hợp ra đầu thú theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Đối với giấy biên nhận nợ mà V cùng đồng bọn ép anh T phải viết theo nội dung V đọc, quá trình điều tra cơ quan điều tra không thu giữ được. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo, người bị hại và người làm chứng đều khai nhận rõ và phù hợp với nhau là Vũ Văn V cùng đồng phạm đã dùng vũ lực ngay tức khắc buộc anh T phải trả cho T 50.000.000đ (gồm số tiền gốc và lãi anh T phải trả nợ) nhưng do anh T không có tiền trả ngay nên để ghi nhận cũng như làm căn cứ buộc anh T phải trả nợ, V cùng đồng phạm đã dùng vũ lực ngay tức khắc buộc anh T phải viết giấy vay nợ V. Do vậy mặc dù không thu giữ được giấy vay tiền V ép anh T viết nhưng căn cứ vào lời khai của các bị cáo, người bị hại và người làm chứng có đủ căn cứ xác định số tiền bị cáo T cùng đồng phạm nhằm chiếm đoạt của anh T là 50.000.000đ. Do đó đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên một lần nữa bác bỏ quan điểm của người bào chữa cho rằng cần thiết phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung về việc bị cáo T1 ra đầu thú và yêu cầu Cơ quan điều tra phải đưa ra bằng chứng là giấy biên nhận nợ của anh T với bị cáo V, đồng thời khẳng định hành vi phạm tội của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đồng thời giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và các đề nghị như Bản luận tội đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Xuất phát từ việc ngày 04/3/2013 và ngày 28/3/2013, anh Phạm Đ T có vay của Đỗ Xuân T tổng số tiền là 25.000.000đ, đến hạn trả nợ theo thỏa thuận anh T không trả tiền gốc và lãi cho T. Sau nhiều đòi nợ, năm 2016 anh T trả cho T 10.000.000đ, số tiền gốc và lãi còn lại T nhiều lần đòi nhưng anh T không trả. Chiều ngày 04/5/2017, T thuê Vũ Văn V, Đào Quang T1, Vũ Anh Đ và đối tượng Toàn rồi cùng nhau đi đến cửa hàng khung nhôm kính của anh

Phạm Đ T tại khu Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, dùng vũ lực ngay tức khắc đánh, ép anh T phải viết giấy vay nợ với số tiền là 50.000.000đ.

Quá trình điều tra xác định số tiền gốc Đỗ Xuân T cho anh Phạm Đ T vay tổng là 25.000.000đ, anh T đã trả 10.000.000đ, còn nợ 15.000.000đ, T không tính lãi của khoản tiền vay 10.000.000đ. Tiền lãi tính theo quy định tại khoản 5 Điều 474 và khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự là không quá 150% mức lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Mức lãi suất cơ bản từ năm 2010 đến nay được áp dụng là 9%/năm, do vậy số tiền lãi anh T phải trả T từ ngày 04/03/2013 đến ngày 04/5/2017 là 8.560.000đ. Số tiền T cùng đồng bọn nhằm chiếm đoạt của anh T là: 50.000.000đ – 15.000.000đ (gốc) – 8.560.000đ (lãi) = 26.440.000đ.

Hành vi của Đỗ Xuân T thuê Vũ Văn V, Đào Quang T1, Vũ Anh Đ và Toàn cùng nhau đến cửa hàng khung nhôm kính của anh Phạm Đ T rồi ngay tức khắc V dùng tay không tát, đâm vào mặt, dùng thanh gỗ gõ vào chân, dùng thanh inox vụt vào đầu anh T buộc anh T phải viết giấy vay V số tiền 50.000.000đ một cách trái pháp luật như trên đã phạm vào tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe và tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị xã hội và bất bình trong quần chúng nhân dân.

Trong vụ án này, Đỗ Xuân T là người khởi xướng việc đòi nợ trái pháp luật; sau đó dùng phương tiện đưa Vũ Văn V, Đào Quang T1, Vũ Anh Đ và Toàn đến gặp anh T để đòi nợ. Tại cửa hàng của anh T, khi V và T1 dùng vũ lực ép anh T phải viết giấy biên nhận nợ thì T cũng có mặt và trực tiếp tham gia việc thỏa thuận số tiền gốc và lãi với anh T, đồng thời dùng phương tiện đưa bị cáo Đ đi lấy giấy biên nhận nợ về để đồng bọn ép buộc anh T phải viết và ký giấy biên nhận nợ trái pháp luật; Vũ Văn V và Đào Quang T1 là đồng phạm trực tiếp thực hành tội phạm tích cực bằng thủ đoạn dùng vũ lực ngay tức khắc để ép buộc anh T phải trả nợ và viết giấy vay nợ tiền của V; Vũ Anh Đ là đồng phạm giúp sức về mặt tinh thần bằng thủ đoạn đi số đông gây áp lực bị hại, cảnh giới và lấy mẫu giấy vay tiền để ép anh T phải viết giấy vay nợ. Mặc dù có đồng bị cáo tham gia, tuy nhiên giữa các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, không có sự câu kết, tổ chức, chỉ đạo chặt chẽ để thực hiện tội phạm, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm giản đơn tùy theo tính chất, mức độ tội phạm mà mình đã gây ra.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị cáo phạm tội theo điểm d khoản 2 điều 133 của Bộ

luật Hình sự năm 1999 có mức cao nhất của khung hình phạt đến 15 năm tù nên theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm rất nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nhưng tội phạm thuộc trường hợp rất nghiêm trọng và hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, việc cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương sẽ không có tác dụng giáo dục và phòng ngừa Ch, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Vũ Anh Đ, trước đó đã bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật (Bản án Hình sự sơ thẩm số 54/2018/HS-ST ngày 15/5/2018) nên cần tổng hợp hai bản án để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù Ch theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như sau: “Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại; người bị hại cũng có một phần lỗi và đã có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Ngoài ra, đối với bị cáo T đã tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra trong việc xác minh truy bắt đối tượng bị truy nã được Phòng Cảnh sát Truy nã tội phạm - Công an tỉnh Vĩnh Phúc xác nhận, do đó được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo T được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ mà không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào; các bị cáo V, T1, Đ cũng được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ mà không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào thì còn là đồng phạm, trong đó bị cáo Đ thuộc trường hợp đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể nên được áp dụng nguyên tắc xử lý đối với đồng phạm theo quy định tại Điều 20 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xét thấy, các bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt trong xã hội.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Đối với nam giới tên Toàn, quá trình điều tra xác định chiều ngày 04/5/2017 khi Vũ Anh Đ đến quán bia đón Đào Quang T1 thì thấy Toàn cũng ở đó cùng T1, sau đó T1 bảo Đ chở T1 và Toàn về, trên đường về thì gặp Vũ Văn V gọi vào ngồi uống nước cùng V và Đỗ Xuân T. Sau đó V và T có bảo T1, Đ và Toàn đi cùng để đòi nợ cho T. Quá trình đòi nợ Toàn tham gia với vai trò giúp sức cảnh giới, tạo số đông, khi V đánh anh T thì anh Long đứng lên can ngăn thì Toàn có lời nói đe dọa và đứng lên định đánh anh Long nhưng T1 can ngăn không cho đánh. Tuy nhiên T1 và Đ đều khai nhận mới quen Toàn và chỉ biết Toàn thuê trọ tại ngõ 7, phường Khai Quang ngoài ra không rõ họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể của Toàn. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát, xác minh tại Công an phường Khai Quang về đối tượng Toàn theo đặc điểm nhận dạng mà T1 và Đ khai nhận nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch của người tên Toàn. Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, khi nào làm rõ cần xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Ngọc Tú, quá trình điều tra xác định anh Tú là người đã giới thiệu Đỗ Xuân T gặp Vũ Văn V đồng thời cho T số điện thoại của V để T trực tiếp liên hệ nhờ V đi đến gặp anh Phạm Đ T để bảo T trả nợ. Tuy nhiên, anh Tú không bàn bạc gì với T và V về cách thức đòi nợ cũng như thỏa thuận ăn chia số tiền đòi được, không biết việc T gặp V rồi T, V, T1, Đ và Toàn đến cửa hàng của anh T dùng vũ lực ngay tức khắc đánh, ép anh T phải trả nợ 50.000.000đ một cách trái pháp luật nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với hành vi của Đỗ Xuân T cho anh Phạm Đ T vay 15.000.000đ với lãi suất thỏa thuận là 3.000đ/triệu/ngày (tức 9%/tháng), chưa đến 10 lần mức lãi suất cao nhất của Ngân hàng quy định tại thời điểm và do anh T tự nguyện đến cửa hàng cầm đồ của T đặt vấn đề vay tiền, mục đích vay để kinh doanh, không thuộc trường hợp lâm vào tình trạng quẫn bách, do vậy chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Đỗ Xuân T về hành vi cho vay nặng lãi.

[5] Về vật chứng: Đối với giấy vay tiền lập ngày 04/5/2017 Vũ Văn V cùng đồng bọn dùng vũ lực ngay tức khắc ép anh Phạm Đ T ghi có nội dung anh T vay của V 50.000.000đ rồi V cầm tờ giấy này. Quá trình điều tra Vũ Văn V không thừa nhận có giấy vay trên nên không giao nộp cho Cơ quan điều tra, do vậy Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với 01 giấy vay tiền lập ngày 04/03/2013 ghi số tiền vay là 15.000.000đ và 01 giấy vay tiền ghi ngày 28/03/2013 ghi số tiền vay là 10.000.000đ, người cho vay đều là Đỗ Xuân T và người vay đều là Phạm Đ T, quá trình điều tra xác định là vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng thu giữ của Đỗ Xuân T, là phương tiện sử dụng liên lạc vào việc phạm tội. Do đó cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 đoạn inox hộp một đầu vát nhọn dài 61cm trụ vuông kích thước (1,65x1,65)cm và 01 thanh gỗ kích thước (41x7x2)cm thu giữ tại cửa hàng của anh Phạm Đ T, quá trình điều tra xác định là tài sản của anh T, do không còn giá trị sử dụng nên anh T không yêu cầu nhận lại. Do đó cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 88A-079.09, quá trình điều tra xác định xe ô tô này Đỗ Xuân T mua mới tháng 02/2015 sau đó đăng ký tên T rồi sử dụng làm phương tiện đi lại làm ăn. Do điều kiện làm ăn gặp khó khăn, ngày 11/02/2017 T đã bán xe ô tô trên cho anh Nguyễn Văn H. Ngày 04/5/2017, do cần phương tiện đi lại và giữa T với anh H đang có quan hệ làm ăn, T đã mượn xe ô tô trên của anh H để đến khu công nghiệp huyện Bình Xuyên đặt hàng sau đó T dùng xe ô tô này đưa V, T1, Đ và Toàn đến cửa hàng của anh T đòi nợ anh T trái pháp luật. Tuy nhiên việc T sử dụng xe ô tô của anh H đưa các đối tượng đi đòi nợ anh H không biết, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, Đỗ Xuân T đã tự nguyện bồi thường cho anh Phạm Đ T số tiền 3.000.000đ và đồng ý xóa khoản nợ 15.000.000đ mà anh T đã vay ngày 04/03/2013; Vũ Văn V đã tự nguyện bồi thường cho anh T số tiền 7.500.000đ; chị Đào Thị Ngọc Lan là chị gái Đào Quang T1 đã tự nguyện bồi thường thay T1 cho anh T 7.500.000đ và bà Nguyễn Thị Kim C1 là mẹ đẻ của Vũ Anh Đ đã tự nguyện bồi thường thay Đ cho anh T số tiền 2.000.000đ, anh T đã nhận các khoản tiền trên, không yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về các vấn đề khác: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p, r khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đỗ Xuân T 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Vũ Văn V 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 18/9/2017).

3. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đào Quang T1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 18/9/2017).

4. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Vũ Anh Đ 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”; tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù của Bản án số 54/2018/HS-ST ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên; buộc bị cáo Vũ Anh Đ phải chấp hành hình phạt tù Ch của cả hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 30/11/2017).

Căn cứ Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu huỷ 01 đoạn inox hộp một đầu vát nhọn dài 61cm trụ vuông kích thước (1,65x1,65)cm và 01 thanh gỗ kích thước (41x7x2)cm thu giữ tại cửa hàng của anh Phạm Đ T; tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng thu giữ của Đỗ Xuân T.

(Đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng ngày 14/6/2018).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Đỗ Xuân T, Vũ Văn V, Đào Quang T1, Vũ Anh Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày T án. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án/.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Trại tạm giam- CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Dung